

Các hình thức

# GIAN LẬN

phổ biến  
trong hoạt động  
cấp tín dụng

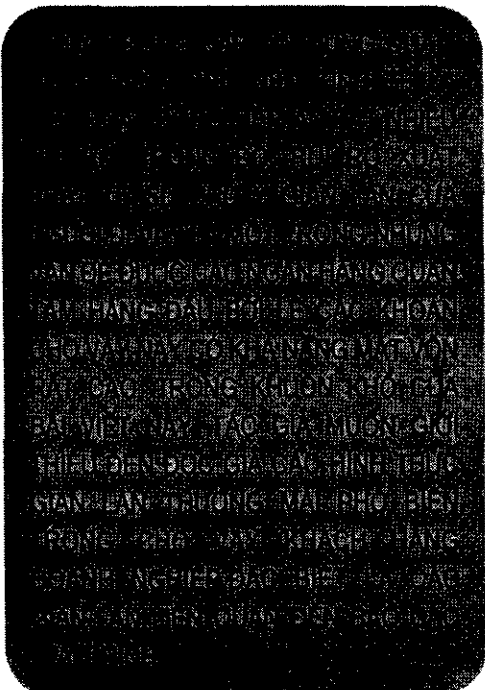
THS. ĐẶNG THỊ PHƯƠNG ĐIỂM



## 1. Tính không minh bạch của thông tin tài chính và xung đột động cơ giữa bên đi vay và bên cho vay

Nhiều doanh nghiệp nhìn nhận công việc làm ăn của mình qua lăng kính màu hồng. Song rất có thể nhiều doanh nghiệp có động cơ tự nhiên che dấu bớt rủi ro và khuếch đại tiềm năng sinh lời của công ty mình. Chính việc này làm nảy sinh vấn đề cơ bản vì doanh nghiệp luôn hiểu về tình hình tài chính cũng như triển vọng tương lai của mình rõ hơn nhiều so với ngân hàng. Các doanh nghiệp có xu hướng tạo ra sự mù mờ về thông tin, điều đó có nghĩa là tồn tại hiện tượng thông tin không cân xứng giữa những gì mà doanh nghiệp biết về rủi ro và khả năng sinh lời dự kiến của công ty mình và những gì ngân hàng biết, trong đó lợi thế thông tin nghiêng về phía doanh nghiệp. Thách thức khó nhất trong nghiệp vụ cho vay của ngân hàng là giải quyết vấn đề nảy sinh do thông tin không minh bạch. Các nhà kinh tế học thường gọi khoảng chênh lệch thông tin giữa hai bên muốn ký kết hợp đồng với nhau là thông tin không cân xứng.

Tính không minh bạch của thông tin len lỏi vào các quyết định cho vay dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong đó, có hai hình thức phổ biến nhất là chọn lọc bất lợi và rủi ro đạo đức.



**Rủi ro đạo đức:** rủi ro này xảy ra sau khi ra quyết định cho vay lần đầu. Sau khi nhận được tiền vay từ ngân hàng, người đi vay có duy trì mức độ rủi ro của khoản vay như khi ngân hàng quyết định cho vay hay không là một bài toán mà ngân hàng phải giải quyết trong suốt quá trình giám sát khoản vay sau cho vay. Đáp án của bài toán này là phụ thuộc vào quá trình triển khai phương án kinh doanh của khách hàng và yếu tố chủ quan mang tính tiêu cực mà ngân hàng rất khó định ra nó đó là vấn đề đạo đức. Vấn đề rủi ro đạo đức bắt nguồn từ động cơ của người đi vay cố tình tăng mức độ rủi ro của mình sau khi đã vay được tiền từ ngân hàng. Động cơ này tồn tại bởi lẽ cho dù rủi ro bao hàm khả năng xảy ra tình huống xấu, song nó cũng bao hàm khả năng xảy ra tình huống tốt và người đi vay phần lớn sẽ nhận phần lãi nếu tình hình tốt và ngân hàng sẽ nhận phần tổn thất nếu tình hình xấu. Một cách để nhìn nhận vấn đề này là bản thân sự tồn tại của khoản tiền vay đã thôi thúc thêm động cơ của doanh nghiệp theo đuổi những cơ hội làm ăn liều lĩnh hơn. Điều đó có nghĩa là rủi ro đạo đức trong cho vay còn xảy ra khi người đi vay có động cơ để mạo hiểm hơn sau khi vay được tiền. Động cơ đó mạnh đến mức người đi vay có thể cố tình đưa một công ty từ chỗ gần như không thể thất bại trở thành một công ty có xác suất thất bại cao. Thoạt nhìn, điều đó có vẻ như khó tin song chính sự khác nhau giữa vốn chủ sở hữu và vốn vay nợ đã thôi thúc động cơ này. Chủ sở hữu của công ty sẽ hưởng phần lớn thành quả trong trường hợp thành công, còn ngược lại ngân hàng sẽ hứng chịu phần lớn hậu quả - điều đó, hình thành động cơ để người đi vay lợi dụng ngân hàng.

Tính không minh bạch của thông tin còn xuất hiện trong quá trình cho vay dưới hình thức gian lận, cho dù không phải khoản cho vay thương mại nào của ngân hàng cũng hàm chứa khả năng gian lận, song thực tế đáng tiếc là chính hành vi gian lận đã gây nên những tổn thất to lớn cho ngân hàng. Gian lận có thể coi là hậu quả tệ hại nhất khi thông tin không minh bạch. Nếu ngân hàng có thể quan sát được rõ ràng và đầy đủ mọi việc doanh nghiệp làm thì doanh nghiệp không thể gian lận được vì tất cả hành động bất hợp pháp đều có thể bị phát hiện và đưa ra trước ánh sáng.

Ngân hàng phải hết sức lưu ý đến các loại gian lận sau:

- Khai khống công nợ và giả mạo vận chuyển hàng hoá.
- Khai man hàng hoá hoặc thiết bị.
- Thế chấp cùng một tài sản cho nhiều ngân hàng.
- Không báo cáo các khoản ghi có đối với hàng hoá bị trả lại.
- Không quay vòng các khoản thu công nợ để thế chấp cho bên cho vay.

Trong đó, hình thức gian lận khai khống công nợ và giả mạo vận chuyển hàng hoá và khai man hàng hoá hoặc thiết bị là những hình thức gian lận tiềm tàng trong các trường hợp cho vay thương mại. Các hình thức gian lận còn lại thường thấy trong cho vay trên cơ sở tài sản và là những hình thức gian lận khá phổ biến trong hoạt động cho vay của các ngân hàng trong đó người đi vay thường thực hiện các hành vi gian lận liên quan đến báo cáo tài chính và tài sản đảm bảo.

### 2.1 Gian lận liên quan đến báo cáo tài chính

Gian lận báo cáo tài chính hoặc gian lận kế toán xảy ra khi một công ty cố ý khai man các số liệu trên báo cáo tài chính. Gian lận báo cáo tài chính diễn ra dưới nhiều hình thức. Hiệp hội chuyên điều tra gian lận đã xác định

**Chọn lọc bất lợi:** là những khó khăn mà ngân hàng gặp phải ở giai đoạn đầu tiên của quá trình cho vay, khi bắt đầu quyết định có nên cho vay hay không. Nói một cách đơn giản, vấn đề ở đây là phân biệt các mức độ chất lượng. Trong thực tế, không phải lúc nào cũng dễ dàng phân biệt khách hàng chất lượng tốt với khách hàng chất lượng kém. Cụ thể hơn các nhà kinh tế học tài chính định nghĩa chọn lọc bất lợi trong cho vay là vấn đề nảy sinh khi ngân hàng chào một mức lãi suất với một nhóm khách hàng vay không phân loại được rõ ràng. Lãi suất chào này áp dụng cho cả khách hàng chất lượng tốt lẫn khách hàng chất lượng kém, và như thế có thể làm nản lòng những khách hàng tốt bởi họ biết rằng giá cả món vay đó không có lợi cho họ.

### 2. Các hình thức gian lận phổ biến trong hoạt động cho vay của ngân hàng

**...Nếu hai bên trao đổi với nhau tài sản với một mức giá thấp hơn giá thị trường thì sẽ giúp bên mua thu lời bất chính, ngược lại thì nó sẽ giúp bên bán ghi nhận lợi nhuận ma...**



được các thủ đoạn gian lận trong báo cáo tài chính là:

- Ghi nhận doanh thu không đúng giữa nội dung và hình thức.
- Ghi nhận doanh thu không đúng kỳ kế toán.
- Hạch toán một số giao dịch thành giao dịch bán hàng sai quy định.
- Thực hiện kế toán theo tỷ lệ hoàn tất sai quy định.
- Công bố không đầy đủ giao dịch đối với bên có liên quan.
- Xác định giá trị tài sản không đúng.
- Trì hoãn các chi phí và khoản chi sai quy định.
- Phân tích và trao đổi của ban lãnh đạo không đầy đủ.

### 2.1.1 Ghi nhận doanh thu không đúng giữa nội dung và hình thức

Gian lận này là thủ đoạn bóp méo hoặc khai khống các giao dịch nhằm làm tăng thu nhập trên báo cáo. Một ví dụ khá phổ biến là hiện tượng không bóc tách các khoản lãi/lãi bất thường hoặc các khoản không thường xuyên. Bất kỳ khoản lãi nào do hoạt động bán bất động sản, bán tài sản cố định, hoặc chứng khoán giữ để đầu tư đều không thuộc hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp trừ phi những hoạt động này là những hoạt động của doanh nghiệp được thể hiện trên giấy phép kinh doanh. Tương tự, nếu doanh nghiệp che dấu tổn thất dưới hình thức các hoạt động không thường xuyên sẽ bóp méo kết quả hoạt động.

Các tổn thất do việc ghi nhận doanh

thu không đúng giữa nội dung và hình thức bao gồm hoạt động bị dừng lãi/lỗ bất thường và tác động tổn tích của việc thay đổi nguyên tắc kế toán. Giao dịch không thường liên quan đến những vụ trao đổi thiếu độc lập khi các bên có liên quan trao đổi tài sản với một mức giá

**..Người đi vay có thể thổi phồng doanh số và lợi nhuận bằng cách bán hàng cho một công ty có chung chủ sở hữu hoặc một công ty khác thuộc sở hữu của một bên không liên quan nhưng có âm mưu câu kết...**

thấp không công bằng. Nếu hai bên trao đổi với nhau tài sản với một mức giá thấp hơn giá thị trường thì sẽ giúp bên mua thu lợi bất chính, ngược lại thì nó sẽ giúp bên bán ghi nhận lợi nhuận ma.

### 2.1.2 Ghi nhận doanh thu không đúng kỳ kế toán

Hình thức gian lận này biểu hiện ở chỗ hạch toán một giao dịch là bán hàng trước khi hoàn tất, hạch toán

doanh thu khi vẫn còn một số điều chưa chắc chắn như chuyển nhượng rủi ro quyền sở hữu hoặc bán hàng với quyền huỷ ngang hoặc bán hàng ký gửi. Hành vi gian lận này còn biểu hiện ở hiện tượng hạch toán doanh thu trong khi vẫn còn phải cung cấp thêm một số dịch vụ hoặc hạch toán doanh thu trong trường hợp lập hoá đơn nhưng vẫn giữ hàng hoặc chưa xuất kho bán hàng.

### 2.1.3 Thực hiện kế toán theo tỷ lệ hoàn tất sai quy định.

Hình thức gian lận này là hành vi thực hiện kế toán theo tỷ lệ hoàn tất sai quy định. Kế toán theo tỷ lệ hoàn tất là một phương pháp kế toán ghi nhận doanh thu của những hợp đồng dài hạn, áp dụng phổ biến trong lãnh vực nghiên cứu và phát triển, cũng như trong lãnh vực xây dựng. Nguyên tắc kế toán quy định tỷ lệ hoàn tất chỉ đúng khi có thể đo lường hợp lý và có căn cứ cả chi phí lẫn tiến độ tính đến khi hoàn tất hợp đồng

Việc ghi nhận doanh thu sai với thực tế từ các hành vi gian lận trên sẽ dẫn đến việc ghi nhận doanh thu không, làm sai lệch báo cáo tài chính của doanh nghiệp dẫn đến ngân hàng không thể tính toán chính xác chu kỳ ngân quỹ của doanh nghiệp để làm cơ sở xác định thời gian cho vay cũng như việc tính toán vòng quay vốn để làm cơ sở xác định số tiền cho vay.

### 2.1.4 Công bố không đầy đủ các giao dịch với các bên liên quan

Đây có lẽ là hành thức gian lận thành công nhất và thường gặp nhất. Giao dịch với các bên có liên quan bao gồm các giao dịch khống và giao dịch có xung đột quyền lợi. Trong trường hợp xung đột quyền lợi thì thông tin giao dịch với các bên có liên quan sẽ được sự dụng thông qua mối quan hệ. Người đi vay có thể thổi phồng doanh số và lợi nhuận bằng cách bán hàng cho một công ty có chung chủ sở hữu hoặc một công ty khác thuộc sở hữu của một bên không liên quan nhưng có âm mưu câu kết. Việc làm này bóp mép sự thật về tình hình kinh doanh của khách hàng vay vốn và dễ dẫn ngân hàng đến chỗ đánh giá tình hình tài chính và phương án kinh doanh của khách hàng thiếu chính xác.

### 2.2 Gian lận liên quan đến tài sản

**đảm bảo**

Trong hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng, quyết định cho vay phải dựa vào sự lành mạnh tổng thể trên tình hình tài chính của người đi vay, tình khả thi của phương án vay vốn, nguồn trả nợ và tài sản đảm bảo của khách hàng. Trong trường hợp cho vay trên cơ sở tài sản, gian lận tài sản thế chấp xảy ra khi người đi vay cố tình khai man về sự tồn tại của tài sản đảm bảo cho khoản vay đặc biệt là các khoản công nợ và hàng tồn kho là những tài sản căn bản của hình thức cho vay trên cơ sở tài sản.

**Công nợ:** Gian lận công nợ xảy ra khi người đi vay tạo khống hoặc khai man các khoản công nợ để làm tăng khả năng vay tiền. Dưới đây là những hình thức phổ biến của các thủ đoạn gian lận công nợ diễn ra thường xuyên.

**Lập hoá đơn trước:** Đây là hình thức gian lận phổ biến nhất để tạo tài sản đảm bảo. Người đi vay luôn dự định sẽ chuyển trong tương lai gần nên những khoản công nợ tương ứng sẽ biến thành những công nợ hợp pháp trong kỳ tiếp theo bằng cách lập hoá đơn trước. Đây là một hình thức gian lận được người đi vay sử dụng trong các trường hợp cạn kiệt tiền mặt tạm thời hoặc tình hình tài chính có biểu hiện xấu theo thời gian.

**Phân loại công nợ trên biểu thu công nợ sai quy định:** trường hợp này xảy ra khi người đi vay chuyển những hoá đơn công nợ từ cột quá hạn, không đủ tiêu chuẩn sang cột đủ tiêu chuẩn để tăng mức tài sản thế chấp cho vay nợ. Cũng giống như thủ thuật lập hoá đơn trước, nếu những khoản công nợ đó được thanh toán thì hồ sơ vẫn sạch như bình thường. Còn nếu khách hàng không thanh toán, hoá đơn sẽ được chuyển sang cột quá hạn nơi lẽ ra ngay từ đầu chúng đã phải được xếp vào và trong trường hợp này hồ sơ vẫn bảo toàn sạch. Để nhận diện hành vi gian lận kiểu này, nhân viên ngân hàng phải thực hiện việc thăm viếng khách hàng thường xuyên nhằm nắm bắt tốt tình hình kinh doanh của khách hàng.

**Khai khống công nợ:** Trong hành vi gian lận này, khách hàng thường tạo khống các khoản công nợ. Đó có thể là những hoá đơn chưa bao giờ tồn tại hoặc có thể là những hoá đơn phát sinh

từ những giao dịch với những doanh nghiệp gia đình có liên quan trong đó cả bên đi vay và đối tác của bên đi vay đều ghi nhận doanh thu bán hàng trên sổ sách kế toán. Đây có lẽ là hành vi gian lận nghiêm trọng nhất và nguy hiểm nhất.

**Hàng tồn kho:** Cũng giống như gian lận công nợ, gian lận trong hàng tồn kho chính là việc khai man tài sản đảm bảo - trong trường hợp này là hàng tồn kho. Những hình thức gian lận hàng tồn kho chủ yếu bao gồm:

- ◆ Khai tăng lượng hàng tồn kho và hạch toán hàng trong kho theo giá trị không có thực.

- ◆ Giả mạo hàng tồn kho trên sổ sách kế toán nhất là hàng ở những kho cách xa hoặc đang trong quá trình vận chuyển.

- ◆ Hạch toán những hàng hoá tồn

đầu rủi ro gian lận. Phát hiện sớm nhằm hạn chế ngay từ đầu những ý đồ gian lận của khách hàng khi vay vốn ngân hàng.

**3.1 Phát hiện sớm gian lận**

Nhằm phát hiện sớm các gian lận thương mại, ngân hàng cần tìm hiểu xem có điều gì bất thường trong hoạt động của người đi vay hay không? Ngân hàng cần tìm hiểu những thay đổi không giải thích trên cơ sở số dư tài chính, thay đổi lớn trong các khoản lãi hoạt động, hay xuất hiện những giao dịch sinh lời lớn hoặc bất thường vào thời điểm cuối các kỳ kế toán, các thay đổi bất thường trong tài khoản công nợ hoặc vòng quay hàng tồn kho. Những thay đổi không giải thích được cũng như những biến động lớn chính là những dấu hiệu gian lận.

**...Các thay đổi bất thường trong tài khoản công nợ hoặc vòng quay hàng tồn kho. Những thay đổi không giải thích được cũng như những biến động lớn chính là những dấu hiệu gian lận...**

kho khó tiêu thụ, hư hỏng mà không ghi giảm giá trị theo giá trị hiện tại.

- ◆ Hạch toán các thùng hàng rỗng không thành hàng tồn kho.

**3. Quản lý và phòng ngừa rủi ro gian lận**

Nhiều ngân hàng cho rằng gian lận là loại rủi ro khó quản lý nhất, nếu như khách hàng thông minh cố tình lừa đảo ngân hàng thì vấn đề gian lận dường như đã sẵn sàng triệt hạ ngân hàng. Không có gì ngạc nhiên khi các bằng chứng cho thấy tác giả của những vụ gian lận lớn nhất lại là những khách hàng vay nợ thông minh nhất.

Vậy ngân hàng có thể làm gì để giảm thiểu những rủi ro gian lận gây ra bởi những khách hàng đã cố tình có hành vi gian lận khi vay vốn ngân hàng? Theo các chuyên gia tài chính, ngân hàng phải áp dụng phương pháp hai mũi song song, đó là phòng ngừa và phát hiện sớm. Phòng ngừa nghĩa là giảm thiểu trong giới hạn hợp lý ngay từ

**3.2 Phòng ngừa gian lận**

Theo nhận định của các chuyên gia tài chính, phòng ngừa gian lận về cơ bản liên quan đến vấn đề kiểm soát tốt khoản vay. Việc kiểm soát được tiến hành trong suốt quá trình từ khi tiếp nhận hồ sơ khách hàng cho đến khi hoàn tất khoản vay. Việc kiểm soát phải được thực hiện đối với cả khách hàng vay và nhân viên tín dụng ngân hàng thụ lý hồ sơ vay, nhân viên thẩm định khoản vay... Có như vậy, ngân hàng mới có thể có những điều chỉnh kịp thời theo các diễn biến và thực tế phát sinh

Tài liệu tham khảo:

- [1]: David Cox, Nghiệp vụ ngân hàng thương mại.
- [2]: PGS TS Nguyễn Đăng Dờn, Tín dụng ngân hàng
- [3]: Edward W. Reed & Edward K. Gill, Ngân hàng thương mại
- [4] Các website của các ngân hàng Việt Nam